TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DSST
Ngày : 27/3/2020
" V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thành.
2. Bà Trần Thị Bích Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Trinh - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Qui Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/TLST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST-DS ngày 10/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Đình B, sinh năm: 1956. Địa chỉ: 11 Võ Trọng Lo, phường Nh.B, TP. QN, tỉnh BĐ.

2. Bị đơn: Anh Trần Như Đ, sinh năm: 1982 và chị Lương Thị Ngọc H, sinh năm: 1992. Cùng địa chỉ: KV5, phường Nh.P, thành phố QN, tỉnh BĐ.

(Ông B có mặt, anh Đ và chị H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn, ông Đặng Đình B trình bày:

Giữa ông và vợ chồng anh Trần Như Đ, vợ là Lương Thị Ngọc H có mối quan hệ là anh em kết nghĩa với nhau. Ông biết vợ chồng anh Đ - chị H đều là giáo viên,

anh Đ dạy tại trường cao đẳng BĐ, còn chị H là giáo viên dạy tại Ph.C. Do đó, ngày 26/3/2018 vợ chồng Đ - H có mượn của ông số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để giải quyết việc gia đình, khi mượn hai bên có lập hợp đồng vay tiền tại Phòng công chứng số 1 tỉnh BĐ, khi vay hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 10.000.000đ/năm, thời hạn vay là một năm (từ ngày 26/3/2018 đến ngày 26/3/2019). Sau khi vay vợ chồng Đ - H đã trả cho ông được 10.000.000đồng tiền lãi, sau đó không trả nữa. Đến hạn trả nợ ông đòi nhiều lần nhưng vợ chồng Đ - H không thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi cho ông.

Nay ông yêu cầu anh Trần Như Đ và vợ là Lương Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn anh Trần Như Đ, chị Lương Thị Ngọc H:

Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo niêm yết theo quy định pháp luật, yêu cầu các đương sự đến Tòa làm việc nhưng anh Đ, chị H không khai báo, không chấp hành nghĩa vụ với tư cách là bị đơn theo quy định của tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đặng Đình B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến trình bày, ông B yêu cầu anh Trần Như Đ và vợ là Lương Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp.QN phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 465 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc anh Trần Như Đ và vợ là Lương Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Đình B 100.000.000đồng.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016, anh Đ, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, anh Trần Như Đ và chị Lương Thị Ngọc H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị H.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Đặng Đình B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Như Đ và vợ là Lương Thị Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền vốn là 100.000.000đ, không yêu cầu trả lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 26/3/2018 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh BĐ.

Tòa xét: Việc giao dịch vay tiền giữa hai bên được xác lập ngày 26/3/2018 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh BĐ có thỏa thuận lãi suất nhưng không vượt quá mức lãi suất do Ngân hàng quy định. Do đó, giữa ông B và vợ chồng Đ - H có thỏa thuận miệng lãi suất là 10.000.000đ/năm và thời hạn trả nợ là một năm kể từ ngày ký hợp đồng. Cho đến nay, thời hạn thanh toán tiền vốn đã quá hạn nhưng anh Trần Như Đ và vợ là Lương Thị Ngọc H không trả cho ông Bách là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Riêng tiền lãi vợ chồng Đ, chị H đã trả cho ông B được 10.000.000đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình B yêu cầu anh Đ, chị H có nghĩa vụ trả 100.000.000đ tiền vốn là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay ông Đặng Đình B không yêu cầu anh Đ, chị H tiếp tục trả lãi. Xét sự tự nguyện này của ông B phù hợp quy định pháp luật nên Tòa công nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Đ và chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 463 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình B.

1.1 Buộc anh Trần Như Đ và vợ là Lương Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Đình Bách số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2- Công nhận sự tự nguyện của ông Đặng Đình B không yêu cầu anh Trần Như Đ và chị Lương Thị Ngọc H tiếp tục trả lãi.

3 - Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Như Đ và vợ là chị Lương Thị Ngọc H phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Đặng Đình B 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001806 ngày 09/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

3- Quyền kháng cáo: Báo cho các bên đương sự biết thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bán án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND Tp. Quy Nhơn;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

Huỳnh Thị Ngọc Lan